

Đường Hoa, ngày 16 tháng 10 năm 2025

**CÔNG KHAI THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT  
NGÀY 03 THÁNG 6 NĂM 2024 CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1.1. Tên cơ sở giáo dục**

Trường Mầm non Đường Hoa

**1.2. Địa chỉ trụ sở**

Địa chỉ: Thôn Đường Hoa 9, xã Đường Hoa, tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 0333979211

Email: c0duonghoa@pgdhaiha.edu.vn

**1.3. Loại hình cơ sở giáo dục**

Trường Mầm non công lập

**1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu**

**Sứ mạng:**

Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân.

Tạo dựng đội ngũ giáo viên đạo đức, giỏi chuyên môn - là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tích cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

Luôn tạo dựng và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ.

**Tầm nhìn:**

Xây dựng nhà trường đạt chuẩn về việc chăm sóc giáo dục và phát triển tối đa những tố chất thông minh của trẻ ngay từ nhỏ.

Khuyến khích trí tò mò tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ sẽ giúp các con tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, giúp các con có khả năng tư duy độc lập, phát triển về kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện, đáp ứng nhu cầu và mong đợi ngày càng nâng cao của đông đảo phụ huynh trong và ngoài địa bàn, là sự lựa chọn đầu tiên cho các bậc cha mẹ có con trong độ tuổi mầm non.

**Mục tiêu:**

Xây dựng môi trường giáo dục hiện đại trong đó đề cao sự phát triển cá

tính và năng khiếu riêng biệt của trẻ

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trong những năm tiếp theo. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao.

### **1.5. Quá trình hình thành và phát triển**

Nhà trường được thành lập theo Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện Hải Hà

Ngày 16/10/2023, theo Quyết định số 3231/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện Hải Hà, Trường Mầm non Đường Hoa II được sáp nhập vào Trường Mầm non Đường Hoa. Trường có 1 điểm chính tại thôn Đường Hoa 9, xã Đường Hoa và 05 điểm lẻ: Cái Lắm, Đầm Sen, Khe Hèo, Bẫy Cửa và Tiến Tới.

Nhà trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1 (Quyết định số 1668/QĐ-SGDĐT ngày 12/08/2020).

Nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 (Quyết định số 1667/QĐ-SGDĐT ngày 12/08/2020).

Tập thể nhà trường đạt tập thể tiên tiến xuất sắc

Năm học 2023 - 2024 nhà trường được Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh Đã có thành tích xuất sắc trong công tác và phong trào thi đua năm học 2023 - 2024 (Theo Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 23/8/2024).

Chi ủy, Chi bộ được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tập thể Chi đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ nhiều năm liền.

Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đầy đủ về số lượng đảm bảo về chất lượng, tư cách phẩm chất đạo đức tốt, tay nghề vững vàng, có năng lực, nhiệt tình và năng động trong công tác, có kinh nghiệm trong quản lý và giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

Qua những thành tích đạt được trường Mầm non Đường Hoa luôn phấn đấu giữ vững danh hiệu và hoàn thành tốt mục tiêu giáo dục đề ra cho những năm sau.

### **1.6. Thông tin đại diện pháp luật**

Họ và tên: Nguyễn Thị Vân Anh

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Đường Hoa 9, xã Đường Hoa, tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 0983702402

Email: vananh.82.hh@gmail.com

### **1.7. Tổ chức bộ máy**

Trường được thành lập theo Quyết định số 3231/QĐ-UBND ngày

16/10/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Hải Hà.

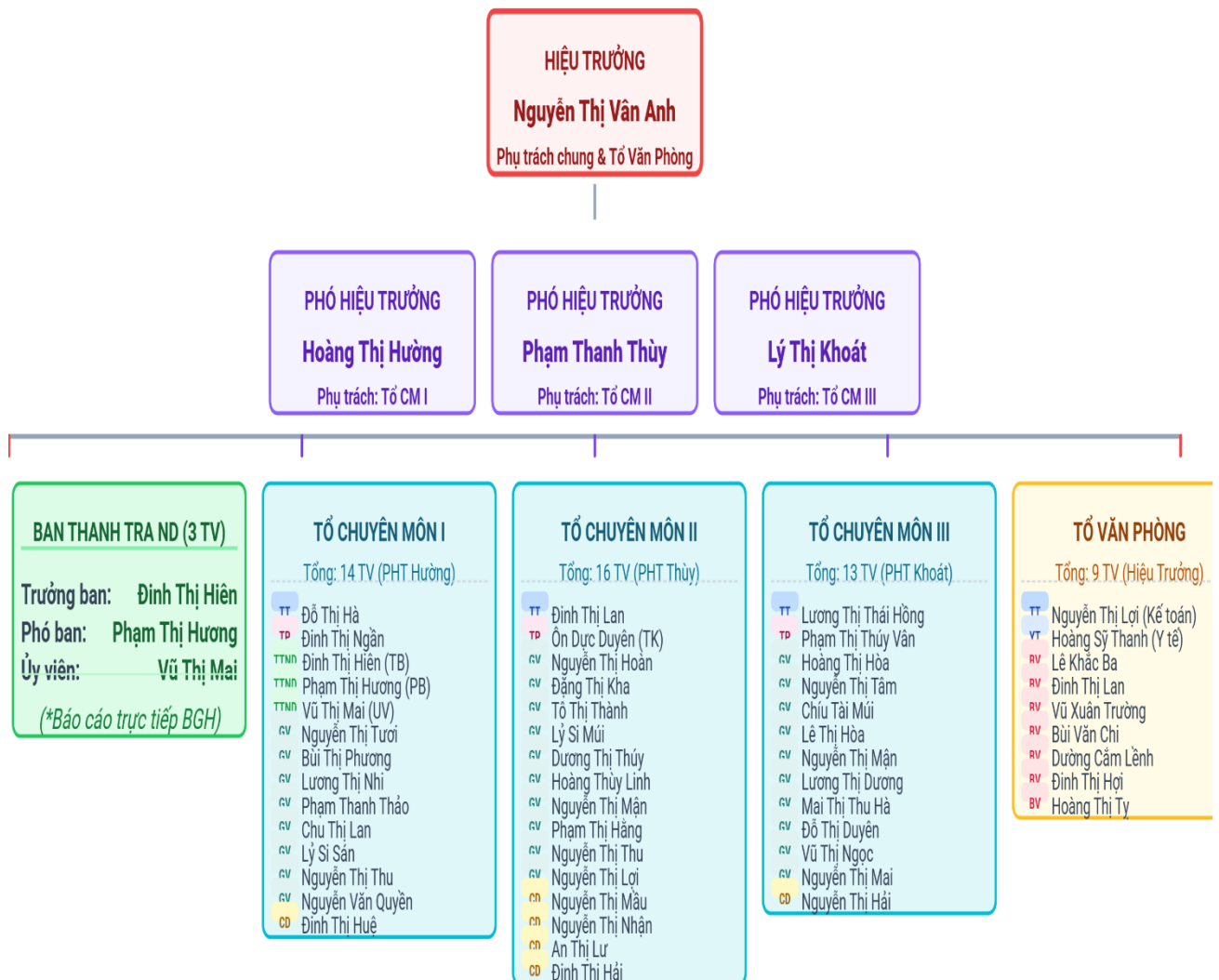
Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đường Hoa về việc tiếp nhận và bổ nhiệm có thời hạn bà Nguyễn Thị Vân Anh giữ chức vụ Hiệu trưởng trường mầm non Đường Hoa;

Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đường Hoa về việc tiếp nhận và bổ nhiệm có thời hạn bà Lý Thị Khoát giữ chức vụ phó Hiệu trưởng trường mầm non Đường Hoa;

Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đường Hoa về việc bổ nhiệm lại chức vụ phó Hiệu trưởng trường mầm non Đường Hoa bà Phạm Thanh Thùy;

Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đường Hoa về việc tiếp nhận và bổ nhiệm có thời hạn bà Hoàng Thị Hương giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường mầm non Đường Hoa;

Sơ đồ bộ máy trường



## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

### 2.1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

| STT        | Nội dung                                              | Tổng số   | Trình độ đào tạo |          |           |           |          |          |
|------------|-------------------------------------------------------|-----------|------------------|----------|-----------|-----------|----------|----------|
|            |                                                       |           | TS               | ThS      | ĐH        | CĐ        | TC       | Dưới TC  |
|            | <b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b> |           |                  |          |           |           |          |          |
| <b>I</b>   | <b>Giáo viên</b>                                      | <b>34</b> |                  | <b>0</b> | <b>29</b> | <b>05</b> | <b>0</b> |          |
| 1          | Nhà trẻ                                               | 8         |                  |          | 7         | 1         |          |          |
| 2          | Mẫu giáo                                              | 26        |                  |          | 22        | 4         |          |          |
| <b>II</b>  | <b>Cán bộ quản lý</b>                                 | <b>04</b> | <b>0</b>         | <b>0</b> | <b>04</b> | <b>0</b>  | <b>0</b> | <b>0</b> |
| 1          | Hiệu trưởng                                           | 01        |                  |          | 1         |           |          |          |
| 2          | Phó hiệu trưởng                                       | 03        |                  |          | 3         |           |          |          |
| <b>III</b> | <b>Nhân viên</b>                                      |           |                  |          |           |           |          |          |
| 1          | Nhân viên văn thư                                     | 0         |                  |          | 0         |           |          |          |
| 2          | Nhân viên kế toán                                     | 01        |                  |          | 1         |           |          |          |
| 3          | Thủ quỹ                                               | 0         |                  |          |           |           |          |          |
| 4          | Nhân viên y tế                                        | 01        |                  |          |           |           | 1        |          |
| 5          | Nhân viên cấp dưỡng                                   | 07        |                  |          |           |           |          |          |
| 6          | NV phục vụ                                            | 0         |                  |          |           |           |          | 0        |
| 7          | Bảo vệ                                                | 06        |                  |          |           |           |          |          |
| 8          | Bảo mẫu                                               | 0         |                  |          |           |           |          | 0        |

## 2.2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

| STT | Nội dung              | Năm học 2024 - 2025 | Năm học 2025 - 2026 |
|-----|-----------------------|---------------------|---------------------|
| 1   | <b>Cán bộ quản lý</b> | <b>03</b>           | <b>04</b>           |
|     | Số lượng              | 03                  | 04                  |
|     | Tỷ lệ                 | 100%                | 100%                |
| 2   | <b>Giáo viên</b>      | <b>34/34</b>        | <b>34/34</b>        |
|     | Số lượng              | 34/34               | 34/34               |
|     | Tỷ lệ                 | 100%                | 100%                |

## 2.3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

| STT      | Nội dung              | Năm học 2024 - 2025 | Năm học 2025 - 2026 |
|----------|-----------------------|---------------------|---------------------|
| <b>1</b> | <b>Cán bộ quản lý</b> | <b>3</b>            | <b>4</b>            |
|          | Số lượng              | 3                   | 4                   |
|          | Tỷ lệ                 | 100%                | 100%                |
| <b>2</b> | <b>Giáo viên</b>      | <b>34</b>           | <b>34</b>           |
|          | Số lượng              | 34                  | 34                  |
|          | Tỷ lệ                 | 100%                | 100%                |
| <b>3</b> | <b>Nhân viên</b>      | <b>02</b>           | <b>02</b>           |
|          | Số lượng              | 02                  | 02                  |
|          | Tỷ lệ                 | 100%                | 100%                |

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

|            | Nội dung                                   | Năm 2024 - 2025     | Năm 2025 - 2026     | Yêu cầu theo quy định |
|------------|--------------------------------------------|---------------------|---------------------|-----------------------|
| 1          | Diện tích khu đất xây dựng                 | 6.740m <sup>2</sup> | 6.740m <sup>2</sup> | 6.432m <sup>2</sup>   |
|            | Điểm trường                                | 06                  | 06                  |                       |
|            | Diện tích bình quân cho mỗi trẻ            | 12,7m <sup>2</sup>  | 12,5m <sup>2</sup>  | 12m <sup>2</sup>      |
| 2          | Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng    |                     |                     |                       |
| <b>2.1</b> | <b>Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ</b> | <b>18</b>           | <b>18</b>           | <b>18</b>             |
|            | Phòng học (nuôi dạy, chăm sóc trẻ)         | 18                  | 18                  | 18                    |
|            | Phòng vệ sinh                              | 18                  | 18                  | 18                    |
|            | Phòng ngủ                                  | 0                   | 0                   | 0                     |
|            | Phòng khác                                 | 0                   | 0                   | 0                     |
| <b>2.2</b> | <b>Khối phòng phục vụ học tập</b>          | <b>01</b>           | <b>01</b>           | <b>01</b>             |
|            | Thư viện                                   | 0                   | 0                   | 01                    |
|            | Phòng thể chất                             | 0                   | 0                   |                       |

|            |                                               |           |           |           |
|------------|-----------------------------------------------|-----------|-----------|-----------|
|            | Phòng đa chức năng<br>(nghệ thuật)            | 2         | 2         | 02        |
|            | Phòng khác                                    | 0         | 0         |           |
| <b>2.3</b> | <b>Khối phòng tổ chức ăn</b>                  | <b>4</b>  | <b>4</b>  | <b>06</b> |
|            | Nhà bếp                                       | 02        | 02        | 02        |
|            | Nhà kho                                       | 01        | 01        | 02        |
|            | Phòng khác                                    | 00        | 00        | 0         |
| <b>2.4</b> | <b>Khối phòng hành chính,<br/>quản trị</b>    | <b>15</b> | <b>15</b> | <b>15</b> |
|            | Phòng hiệu trưởng                             | 01        | 01        | 01        |
|            | Phòng phó hiệu trưởng                         | 03        | 03        | 03        |
|            | Văn phòng trường                              | 01        | 01        |           |
|            | Phòng họp                                     | 01        | 01        |           |
|            | Phòng hành chính quản trị                     | 01        | 01        | 01        |
|            | Phòng bảo vệ                                  | 02        | 02        | 02        |
|            | Phòng y tế                                    | 02        | 02        | 02        |
|            | Phòng truyền thống                            | 0         | 0         | 0         |
|            | Phòng nhân viên                               | 01        | 01        | 0         |
|            | Phòng khác                                    | 03        | 03        | 0         |
| <b>2.5</b> | <b>Khối công trình công<br/>cộng</b>          | <b>47</b> | <b>48</b> | <b>50</b> |
| 1          | Nhà xe giáo viên                              | 06        | 06        | 06        |
| 2          | Phòng khác                                    | 0         | 0         | 0         |
| 3          | Số lượng thiết bị đồ dùng,<br>đồ chơi hiện có | 16        | 16        | 18        |
| 4          | Số lượng đồ chơi ngoài<br>trời                | 06        | 06        | 06        |
| 5          | Tổng số thiết bị phục vụ<br>giáo dục khác     |           |           |           |

|                         |    |    |    |
|-------------------------|----|----|----|
| - Ti vi                 | 16 | 16 | 18 |
| - Nhạc cụ               |    | 0  | 0  |
| - Máy Photo             | 01 | 01 | 02 |
| - Catsset               | 0  | 0  | 0  |
| - Đầu Video/đầu đĩa     | 0  | 0  | 0  |
| - Máy vi tính văn phòng | 02 | 03 |    |

#### **IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

##### **4.1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.**

- Kết quả tự đánh giá

Hàng năm nhà trường ban hành quyết định kiện toàn Hội đồng tự đánh giá; kế hoạch tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định.

##### **4.2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm**

- Kết quả đánh giá và công nhận

Nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 (Quyết định số 1667/QĐ-SGDĐT ngày 12/08/2020).

Nhà trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1 (Quyết định số 1668/QĐ-SGDĐT ngày 12/08/2020).

Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo

Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo lộ trình 5 năm từ năm 2021 đến hết năm 2025

#### **V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

**Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước**

| STT | Nội dung                                                                            | Năm học 2024- 2025 | Năm học 2025- 2026 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| 1   | Tổng số lớp                                                                         | 16                 | 18                 |
| 2   | Tổng số trẻ                                                                         | 529                | 536                |
| 3   | Số trẻ bình quân/nhóm (lớp)                                                         | 33                 | 29                 |
| 4   | Số trẻ học 2 buổi/ngày                                                              | 529                | 536                |
| 5   | Số trẻ được tổ chức ăn bán trú                                                      | 529                | 536                |
| 6   | Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ | 529                | 536                |
| 7   | Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi                          | 145                | 157                |
| 8   | Số trẻ khuyết tật                                                                   | 03                 | 04                 |

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

| STT | Nội dung                                                                                                                                            | Năm 2024                  | Năm 2025                  |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| 1   | Tình hình tài chính (các khoản chi phân theo):                                                                                                      | 7.326.459.370             | 7.511.456.000             |
|     | - Chi tiền lương và thu nhập                                                                                                                        | 5.706.951.046             | 6.316.154.046             |
|     | - Chi cơ sở vật chất và dịch vụ                                                                                                                     | 234.471.535               | 162.301.954               |
|     | - Chi hỗ trợ người học                                                                                                                              | 0                         | 0                         |
|     | - Chi khác                                                                                                                                          | 1.385.036.789             | 1.033.000.000             |
| 2   | Các khoản thu và mức thu đối với người học (bao gồm học phí, lệ phí và tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học | Học phí:<br>20.000đ/tháng | Học phí:<br>20.000đ/tháng |
| 3   | Chính sách và kết quả thực hiện về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng                                                                          | 156.640.000               | 196.460.000               |
| 4   | Số dư quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có)                                                                                                 | 0                         | 0                         |

## VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

### 7.1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non

Ban giáo hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng

cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên

## **7.2. Thực hiện các kế hoạch, đề án**

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong đề án và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện. Đến thời điểm hiện tại các kế hoạch, đề án của nhà trường thực hiện đúng tiến độ.

## **7.3. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế**

- Nhà trường thường xuyên báo cáo, thông tin kịp thời với Lãnh đạo cấp trên về các nội dung, công việc của đơn vị và xin ý kiến chỉ đạo của cấp trên về các vấn đề liên quan đến các hoạt động của nhà trường; Tham mưu đề nghị Phòng GD&ĐT mua sắm bổ sung trang thiết bị, sửa chữa trường học; cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm bổ sung trang thiết bị dạy học phục vụ năm học mới, sửa chữa xây mới khuôn viên điểm trường Đầm Sen, sửa chữa mái tôn, khu vực sân chơi, bếp ăn điểm trường trung tâm.

- Với chính quyền địa phương: Tham mưu, trao đổi đề xuất với lãnh đạo UBND xã về nội dung có liên quan đến hoạt động chăm sóc giáo dục của nhà trường, đặc biệt là công tác vận động trẻ ra lớp, duy trì sĩ số và công tác phổ cập giáo dục.

- Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ trẻ em; 100% các nhóm, lớp có Ban đại diện nhóm, lớp hoạt động đạt hiệu quả. Vận động phụ huynh hỗ trợ mua sắm một số đồ dùng ủng hộ nhằm phục vụ cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Trong năm học, nhà trường đã huy động phụ huynh đóng góp ngày công lao động cải tạo sân vườn, xây dựng cảnh quan, môi trường sư phạm và ủng hộ cây cảnh, hoa cho các góc thiên nhiên của các nhóm, lớp; Tăng cường sự tham gia, hỗ trợ của gia đình trẻ trong việc phối hợp cùng giáo viên chuẩn bị nguyên vật liệu địa phương phục vụ các hoạt động học của trẻ.

### **\*Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin**

- Nhà trường triển khai ứng dụng, sử dụng hiệu quả các phần mềm hỗ trợ trong công tác quản lý trường học, lập kế hoạch, theo dõi chỉ đạo, quản lý bán trú của các đơn vị có uy tín, được cơ quan có thẩm quyền thẩm định để đảm bảo chất lượng quản lý.

- Trên 90% các hoạt động quản lý, điều hành và chăm sóc, giáo dục trẻ sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin.

- Chỉ đạo giáo viên ứng dụng CNTT vào giảng dạy đạt kết quả. 100% CBQL, GV biết ứng dụng CNTT, xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động giáo dục; tăng cường quản lý, lưu trữ và sử dụng hồ sơ, sổ sách điện tử phù hợp với

điều kiện của địa phương, nhà trường và khả năng thực hiện của cán bộ quản lý, giáo viên.

- 100% giáo viên biết khai thác các thông tin trên cổng thông tin điện tử của ngành; trên mạng intrnet, thường xuyên sử dụng trang thông tin điện tử của trường.

- Vận dụng sáng tạo các phương pháp dạy học, sử dụng có hiệu quả các thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi trong các hoạt động học tập, vui chơi. Đặc biệt là thường xuyên thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy qua máy chiếu, bàn cảm ứng và ti vi thông minh. Công tác truyền thông.

\*Công tác truyền thông về giáo dục mầm non

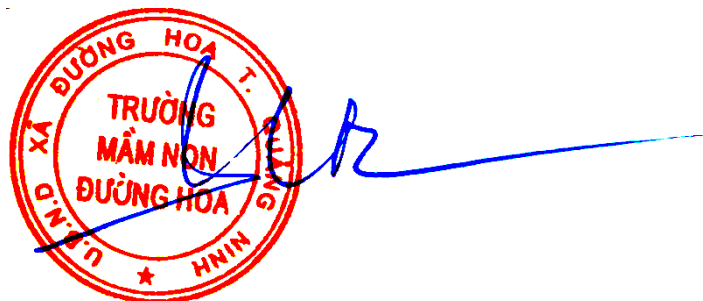
- Tuyên truyền, quán triệt sâu sắc các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và của Bộ, Sở GD&ĐT về những chủ trương đổi mới GDMN; các văn bản quy phạm pháp luật về GDMN, đặc biệt những văn bản mới ban hành, những văn bản được sửa đổi bổ sung, thay thế. Thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật về GDMN.

- Chú trọng phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ theo khoa học cho các bậc cha mẹ và cộng đồng bằng nhiều hình thức phù hợp, trong các buổi họp phụ huynh, loa phát thanh, trong các giờ đón, trả trẻ, trên trang Facebook, website của nhà trường.

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được quán triệt sâu sắc các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và của Bộ GD về đổi mới và phát triển GDMN, đặc biệt những văn bản mới ban hành, những văn bản được bổ sung, thay thế.

- 100% các nhóm, lớp có góc tuyên truyền đảm bảo chất lượng cho công tác tuyên truyền. Tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua bảng tin tuyên truyền của trường, lớp, qua trang mạng xã hội, trang facebook của trường Trường Mầm Non Đường Hoa./.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Thị Vân Anh**